

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **160/2025/HS-ST**
Ngày: 25-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần

2. Ông Trần Công Danh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Lương Văn T**, sinh năm 1988 tại Nghệ An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm K, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Phòng trọ thuộc khu phố E, phường L; thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không. **Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Thành Đ và bà Lương Thị T1, có vợ là Lo Thị T2, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016.**

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đ (Bị cáo có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

2. **Văn Bá Q**, sinh năm 2001 tại Gia Lai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn F, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Phòng trọ thuộc khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Bá H và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Bị cáo có mặt)

- Bị hại:

+ Anh **Trương Thành C**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt)

+ Chị **Mã Thị Anh T3**, sinh năm 2005;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Đào Văn T4**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số B, đường B, tổ A, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

+ Anh **Phạm Trọng N**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số B đường B, tổ E, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn Bá Q và Lương Văn T là bạn bè quen biết nhau và không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, vào ngày 29/7/2024 Q và T đã thực hiện hai vụ “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thành phố B cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 29/7/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 60F1-038.79 đến phòng trọ của Q tại địa chỉ thuộc khu phố F phường L, thành phố B và rủ Q đi cướp giật tài sản thì Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên chở Q đi quanh khu vực thành phố B để tìm kiếm cơ hội thực hiện. Khi cả hai đi đến đoạn đường Q đoạn thuộc tổ G, khu phố D, phường T, thành phố B, phát hiện anh Trương Thành C (sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang dừng xe mô tô bên lề đường sử dụng điện thoại thì T liền điều khiển xe quay đầu lại và chạy xe áp sát bên trái vị trí anh C đang đứng còn Q ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 trên tay của anh C rồi T nhanh chóng điều khiển xe chở Quyền tẩu thoát và mang chiếc điện thoại mới cướp giật được đến cửa hàng điện thoại “Anh Q1” tại địa chỉ số B, đường B, tổ A, khu phố C, phường L, thành phố B do anh Đào Văn T4 (sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng) làm chủ, bán được số tiền 600.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

- Vật chứng vụ án: Gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 tạm giữ của anh Đào Văn T4, là tài sản của anh Trương Thành C bị cướp giật, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh C.

- 01 USB bên trong lưu trữ 01 file video ghi nhận được hình ảnh quá trình các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản, thu được tại hiện trường kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận số 252/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 trị giá 2.059.600 đồng.

Về dân sự: Bị hại anh Trương Thành C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn T4 đều không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 29/7/2024, sau khi thực hiện hành vi cướp giật trên, tại phòng trọ của Q, T và Q tiếp tục rủ nhau đi cướp giật tài sản. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên chõ Q đi đến dãy trọ tại địa chỉ số A, tổ C, khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện một chiếc xe mô tô biển số 60G1-457.26 của chị Mã Thị Anh T3 (sinh năm 2005, nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang đang dựng trước dãy trọ, trên tay lái xe (bên phải) chị T3 có treo 01 chiếc túi xách, không có người trông coi. Lúc này, T điều khiển xe đến gần vị trí xe của chị T3 cảnh giới, còn Q xuống xe lén lút tiếp cận lấy trộm túi xách trên của chị T3 và cùng nhau tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát Quyền kiểm tra túi xách thấy bên trong có đựng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 và số tiền 72.000 đồng. Sau đó, T và Q tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại “Anh Q1” bán cho anh T4 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 được số tiền 900.000 đồng, còn chiếc điện thoại Iphone 12 Thìn và Q mang đến cửa hàng phụ kiện điện thoại không tên, tại địa chỉ số B đường B tổ E, khu phố F, phường L, thành phố B do anh Phạm Trọng N (sinh năm 1996, nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh bán được số tiền 1.000.000 đồng, tiếp tục chia nhau tiêu xài hết. Đến ngày 30/7/2024, T và Q đã bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B bắt khẩn cấp, khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 tạm giữ của anh Đào Văn T4 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 tạm giữ của anh Phạm Trọng N, là các tài sản của chị Mã Thị Anh T3 bị trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T3.

+ 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen (có kính trắng trong suốt) tạm giữ của bị cáo T, là tài sản của bị can và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho T.

+ 01 chiếc xe mô tô biển số 60F1-038.79 tạm giữ của bị cáo T là phương tiện các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả xác minh: chiếc xe trên do anh Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đứng tên đăng ký sở hữu. Vào khoảng năm 2020, chị Lo Thị T2 (sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: Xóm K, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An) là vợ của bị cáo T mua lại chiếc xe này

của anh T5 để làm phương tiện đi làm, vào ngày 29/7/2024, bị cáo T tự ý lấy chiếc xe trên đi và thực hiện hành vi phạm tội, chị T2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị T2.

+ Số tiền 72.000 đồng chiếm đoạt được của chị T3, bị cáo Q đã tiêu xài hết và 01 chiếc túi xách của chị T3 trên đường T đã vứt bỏ nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá số 255/KL-HĐĐGTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12, tổng trị giá là 8.000.000 đồng. Riêng đối với chiếc túi xách đã qua sử dụng, không thu hồi được không rõ chủng loại, nhãn hiệu nên không định giá được.

Về dân sự: Bị hại chị Mã Thị Anh T3 và những người có quyền lợi, nghĩa liên quan là anh Đào Văn T4 và anh Phạm Trọng N đều không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKSBH ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lương Văn T và Văn Bá Q về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”
- Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Văn Bá Q phạm tội “Cướp giật tài sản”
- Xử phạt bị cáo Văn Bá Q từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Văn Bá Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Xử phạt bị cáo Văn Bá Q từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo T:

+ Về tội danh thì thống nhất với việc truy tố của Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Thống nhất với Đại diện Viện kiểm sát trình bày về tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người dân tộc thiểu số, tài sản chiếm đoạt có giá trị không quá cao.

+ Về mức hình phạt: Viện kiểm sát đề nghị mức từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hơn cho bị cáo, do trong vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Q là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T cũng có hoàn cảnh khó khăn.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Lương Văn T: Bị cáo đã biết sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Văn Bá Q: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã biết sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 29/7/2024, Văn Bá Q và Lương Văn T đã thực hiện 02 vụ án “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thành phố B như sau, gồm:

+ Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 29/7/2024 trên đường quốc lộ 1A đoạn thuộc tổ G, khu phố D, phường T, thành phố B, Quyền và T đã có hành vi sử dụng xe mô tô biển số 60F1.038.79 cướp giật của anh Trương Thành C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 trị giá 2.059.600 đồng.

+ Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 29/7/2024, tại khu vực trước dãy trọ địa chỉ: số A, tổ C, khu phố G, phường L, thành phố B, Quyền và T tiếp tục có hành vi trộm cắp của chị Mã Thị Anh T3 một túi xách bên trong có đựng một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 trị giá 2.000.000 đồng, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 trị giá 6.000.000 đồng và số tiền 72.000 đồng thì bị bắt khẩn cấp khởi tố điều tra xử lý. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 8.072.000 đồng.

[2.1] Hành vi của các bị cáo Lương Văn T và Văn Bá Q đã phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ. Trong vụ án có đồng phạm nhưng ở mức giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê bị cáo Q thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” và cùng nhau đi thực hiện. Bị cáo Q là người là người tích cực và trực tiếp là người thực hiện hành vi giật tài sản và trộm tài sản của bị hại.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

[4.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo T là con trong gia đình hộ cận nghèo thuộc vùng kinh tế khó khăn và là quân nhân xuất ngũ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ cho mục đích bảo vệ an ninh quốc phòng, bị cáo là người dân tộc nên cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Bị hại anh Trương Thành C, chị Mã Thị Anh T3, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn T4 và anh Phạm Trọng N đều không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 tạm giữ của anh Đào Văn T4 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 tạm giữ của anh Phạm Trọng Nghĩa L1 các tài sản của chị Mã Thị Anh T3 bị trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T3 là phù hợp.

[6.2] 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen (có kính trắng trong suốt) tạm giữ của bị cáo T, là tài sản của bị can và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại trả lại cho T là phù hợp.

[6.3] 01 chiếc xe mô tô biển số 60F1-038.79 tạm giữ của bị cáo T là phương tiện các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả xác minh: chiếc xe trên do anh Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đứng tên đăng ký sở hữu. Vào khoảng năm 2020, chị Lo Thị T2 (sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: Xóm K, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An) là vợ của bị cáo T mua lại chiếc xe này của anh T5 để làm phương tiện đi làm, vào ngày 29/7/2024, bị cáo T tự ý lấy chiếc xe trên đi và thực hiện hành vi phạm tội, chị T2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị T2 là phù hợp.

[6.4] Số tiền 72.000 đồng chiếm đoạt được của chị T3, bị cáo Q đã tiêu xài hết và 01 chiếc túi xách của chị T3 trên đường T đã vứt bỏ nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

[6.5] 01 USB bên trong lưu trữ 01 file video ghi nhận được hình ảnh quá trình các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản, thu được tại hiện trường lưu hồ sơ vụ án.

[7] Đối với anh Đào Văn T4 và anh Phạm Trọng Nghĩa L1 những người đã mua các tài sản do T và Q chiếm đoạt được của các bị hại, tuy nhiên quá trình mua bán anh T4 và anh N đều không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, về hình phạt và án phí là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

+ Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

+ Tuyên bố bị cáo Văn Bá Q phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”

+ Xử phạt bị cáo Văn Bá Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Văn Bá Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024.

2. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Buộc các bị cáo Lương Văn T, bị cáo Văn Bá Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa - Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THA dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến